

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 11 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 210/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1964; Địa chỉ: K351/H6/11 Đường Nguyễn Phước N, tổ 81 cũ - 40 mới, phường K, quận Th, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị A (trước đây tên là Huỳnh Thị Thúy A), sinh năm 1973; Địa chỉ: K351/H6/11 Đường Nguyễn Phước N, tổ 81 cũ - 40 mới, phường K, quận Th, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các Bản tự khai của Nguyên đơn là Ông Lê Văn T:***

Tháng 10-2002, tôi có đăng ký kết hôn với bà Huỳnh Thị Thúy A, lúc đó đang tạm trú tại 44 Đường Lê Đ, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; nay hộ khẩu thường trú tại tổ 81 phường K, quận Th, thành phố Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống, chúng tôi cảm thấy không đồng nhất về quan điểm cũng như cách sống trong sinh hoạt nên luôn xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, xúc

phạm tới danh dự bản thân và cha mẹ của nhau. Có những lúc cãi vã và đánh nhau phải nhờ tới sự can thiệp của công an. Bởi vậy, tôi cảm thấy cuộc sống hiện tại không hạnh phúc, tình nghĩa đã cạn kiệt không còn nữa, không còn gì để níu kéo. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thúy A.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con gái tên là Lê Thị Bích T1, sinh ngày 24-3-2003. Ly hôn, tôi giao con chung cho bà Huỳnh Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng / 1 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong Giấy đăng ký kết hôn của chúng tôi và Giấy khai sinh của con chung thì tên vợ tôi là Huỳnh Thị Thúy A nhưng trong hộ khẩu đăng ký thường trú của vợ tôi là Huỳnh Thị A. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án xác minh để làm cơ sở giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho Ông Lê Văn T được ly hôn với Bà Huỳnh Thị A; giao con chung cho Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng; Ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng / 1 tháng; về tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Bà Huỳnh Thị A đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án thu thập thông tin tại Công an quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng thì được cung cấp theo Công văn số 456/CAQ(QLHC) ngày 26-9-2018 về nhân thân của bị đơn - Bà Huỳnh Thị A như sau: "Qua xác minh hồ sơ tàng thư tại Công an quận Thanh Khê thể hiện: Hồ sơ nhập khẩu năm 2007 gồm Phiếu báo, bản khai, xác nhận Công an xã Nghĩa M, Nghĩa Đ, Nghệ An mang tên Huỳnh Thị A. Giấy kết hôn năm 2002: Huỳnh Thị Thúy A. Quyết định cải chính hộ tịch UBND phường Hòa Thọ Đ ngày 12-12-2006 trong Giấy khai sinh của Lê Thị Bích T1 về việc cải chính phần họ và tên mẹ từ Huỳnh Thị Thúy A thành Huỳnh Thị A ". Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà Huỳnh Thị Thúy A (sinh năm 1973; địa chỉ: K351/46/11 Đường Nguyễn Phước N, tổ 81 cũ - 40 mới, phường K, quận Th, thành phố Đà Nẵng) nay có tên là Huỳnh Thị A.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Lê Văn T và Bà Huỳnh Thị A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng vào ngày 01-10-2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, Ông T xác định không còn tình cảm gì với Bà A nữa nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Huỳnh Thị A.

[4] Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của ông bà thì đại diện chính quyền địa phương xác nhận quá trình vợ chồng Ông Lê Văn T và Bà Huỳnh Thị A sống chung thì thấy ông bà có xảy ra mâu thuẫn, xô xát, chính quyền địa phương có đến giải quyết, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến nay.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của Ông Lê Văn T và Bà Huỳnh Thị A là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông Lê Văn T trình bày qua thời gian sống chung giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn nên xin được ly hôn với Bà Huỳnh Thị A - Mâu thuẫn vợ chồng như Ông T khai là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương.

[6] Đối với bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Bà Huỳnh Thị A đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án. Qua đó, thể hiện Bà A đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng Ông T Bà A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả gì tốt đẹp nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Ông Lê Văn T là hợp tình hợp lý.

[8] Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn T trình bày vợ chồng có một con chung tên Lê Thị Bích T1, sinh ngày 24-3-2003. Ông T có nguyện vọng giao con chung cho Bà Huỳnh Thị A trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng / 1 tháng. Bà A và cháu T1 không có ý kiến trình bày về nguyện vọng giải quyết con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện nay đang sống chung với Ông T, Bà A; con chung là gái, đang trong độ tuổi phát triển nên thấy yêu cầu của Ông T giao con chung cho Bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình hiện nay của đôi bên. Đồng thời, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của Ông T như trên.

[9] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Bị đơn là Bà Huỳnh Thị A vắng mặt nên không có ý kiến về quan hệ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[11] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của Ông Lê Văn T đối với Bà Huỳnh Thị A (trước đây tên là Huỳnh Thị Thúy A).

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn với Bà Huỳnh Thị A (trước đây tên là Huỳnh Thị Thúy A).

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 194, ngày 01 tháng 10 năm 2002 của UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn T và Bà Huỳnh Thị A có 01 (một) con chung tên là Lê Thị Bích T1, sinh ngày 24-3-2003.

Giao con chung Lê Thị Bích T1, sinh ngày 24-3-2003 cho Bà Huỳnh Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng / 01 tháng, thời gian thực hiện bắt đầu từ tháng 11 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 008206 ngày 02-5-2018.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai